TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST Ngày 02-7-2026 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bồ Thị Ánh Tuyết;

Ông Nguyễn Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ F, khu phố B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Thái Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ F, khu phố B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Thái Văn N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 09/3/2009. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa bà H và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2011 và Thái Gia N1, sinh ngày 11/11/2017. Con chung đang sống chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết:

- *Đối với bị đơn ông Thái Văn N:* Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng và giải quyết vụ việc. Bị đơn đã nhận được Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ việc, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình vắng mặt, từ bỏ quyền tham gia tố tụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, bị đơn không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nguyên đơn. Do đó, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", bị đơn cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng và giải quyết vụ việc. Bị đơn đã nhận được Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa của Tòa án nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Hoàng Thị H và ông Thái Văn N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 09/3/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa bà H và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn

với ông N. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên hiện tại bà H và ông N không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông N không quan tâm gì đến tâm tư, tình cảm của bà H, không có hành động gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài tình trạng hôn nhân, do đó bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung tên Thái Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2011 và Thái Gia N1, sinh ngày 11/11/2017. Con chung đang sống chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ý kiến nguyện vọng của cháu H1 và cháu N1 đều mong muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi bà H và ông N ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của cháu H1 và cháu N1 về mọi mặt, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu H1 và cháu N1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H đối với ông Thái Văn N về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H ly hôn ông Thái Văn N.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Thái Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2011 và Thái Gia N1, sinh ngày 11/11/2017 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012199 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 18 - TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. HCM;
- UBND phường Bến Cát, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Hoài Trí